

Số: 3731/LDA-VT

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 10 năm 2025

V/v thư ngỏ đề nghị báo giá dự toán đơn hàng
mua sắm vật tư hóa chất phân tích phục vụ sản
xuất của LDA năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp vật tư.

Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV (Gọi tắt là LDA) đang có nhu cầu mua sắm vật tư hóa chất phân tích phục vụ sản xuất của LDA năm 2026. Để có cơ sở lập dự toán đơn hàng phù hợp với giá cả thị trường và tình hình thực tế của LDA, kính mời các nhà cung cấp vật tư có đủ điều kiện và năng lực kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu tham gia báo giá. Cụ thể như sau:

I. Thông tin và yêu cầu về hàng hóa, vật tư:

1. Tên đơn hàng: Mua sắm vật tư Hóa chất phân tích phục vụ sản xuất của LDA năm 2026.

2. Danh mục vật tư, hàng hóa, số lượng và quy cách:

- Tên/chủng loại hàng hóa/quy cách, đặc tính kỹ thuật: Các chủng loại hàng hóa, vật tư như danh mục nêu tại Cột 2 Phụ lục 1 kèm theo.
- Số lượng/khối lượng cung cấp: Khối lượng yêu cầu cung cấp đối với từng chủng loại vật tư nêu tại Cột 4 Phụ lục 1 kèm theo.

3. Yêu cầu về nhà sản xuất (hãng sản xuất), xuất xứ hàng hóa:

- Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Trong biểu giá chào giá nhà cung cấp phải điền rõ nhà sản xuất vào Cột 4; nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa ghi vào Cột 4 Phụ lục 2.
- Giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng hoặc văn bản tương đương do nhà sản xuất cấp như quy định tại Cột 7-Phụ lục số 01 – “ Chi tiết thông tin, yêu cầu về hàng hóa”.
- Đối với những mục vật tư yêu cầu phải có giấy tờ kèm theo giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (CO), chất lượng hàng hóa (COA) khi giao hàng đối với hàng nhập khẩu; giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng đối với hàng sản xuất trong nước hoặc văn bản tương đương. Nhà cung cấp là đơn vị trực tiếp nhập khẩu nguyên lô, theo hợp đồng thì phải giao bản gốc CO, COA. Trường hợp NCC nhập khẩu lô lớn để phân phối/bán lẻ, hoặc không phải là đơn vị nhập khẩu trực tiếp thì NCC có thể sử dụng bản sao CO, COA nhà cung cấp ký tên, đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm trước Pháp Luật về tính trung thực và chính xác của bản sao.
- Trường hợp NCC nộp bản CO, COA điện tử thì không phải Công chứng, nhưng phải đảm bảo tra cứu được thông tin CO, COA trên Web

4. Thời gian, tiến độ cung cấp:

- Thời gian cung cấp: năm 2026
- Tiến độ cung cấp: Chi tiết như Cột 6-Phụ lục 01.

5. Địa điểm giao nhận: Kho của LDA tại nhà máy alumina, xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng (Nhà cung cấp tự xuống hàng và chuyển vào kho của LDA).

Nhà cung cấp tham khảo mẫu báo giá hàng hóa theo phụ lục số 02 của văn bản này.

II. Các yêu cầu và chỉ nhận nộp bảng báo giá:

1. Yêu cầu bảng báo giá:

- Nhà cung cấp tham gia báo giá dự toán chuẩn bị 01 bảng báo giá dự toán (báo giá bản giấy hoặc bản scan màu; kèm theo USB chứa bảng Files Excel-Phụ lục 2 kèm theo), điền đầy đủ các thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu Phụ lục 2 kèm theo.

- Hiệu lực bảng báo giá tối thiểu 45 ngày kể từ ngày kể từ ngày báo giá

2. Chỉ dẫn nộp bảng báo giá:

- Địa chỉ nộp, tiếp nhận Bảng báo giá:

+) Tổ tư vấn lựa chọn NCC vật tư - Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV.

+) Địa chỉ: Đường Phan Đình Phùng, Tổ 15, xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng.

+) Điện thoại: 02633.961.682/ Fax: 02633.961.680. - Ngoài ra nhà cung cấp có thể gửi bảng báo giá (bản scan màu) đồng thời qua địa chỉ email: vattuktcn@gmail.com.

- Thời điểm hết hạn tiếp nhận bảng báo giá: 10h00 phút ngày 07 tháng 11 năm 2025.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (b/cáo);
- Đăng tải Web LDA;
- Tổ tư vấn LCNCC vật tư;
- Lưu: VT, PVT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Thái



Phụ lục 1:

CHI TIẾT THÔNG TIN, YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA

STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	1,10 - Phenanthroline chloride monohydrate/C ₁₂ H ₉ ClN ₂ .H ₂ O/GR/Solid GR; 10g/chai Code:1072230010 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
2	1,10-Phenanthroline monohydrate/ C ₁₂ H ₈ N ₂ .H ₂ O/ AR/ Solid AR; 5g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	6	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 3 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 3 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
3	1-Amino-2-Naphthol-4-Sulfonic Acid/C ₁₀ H ₉ NO ₄ S/GR/Solid GR; 25g/chai Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	4	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 2 chai	COA	
4	Acetic acid/ CH ₃ COOH/ AR/ Liquid AR; 500ml/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	13	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 7 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 6 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
5	Allochroic silicagel AR; 500g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
6	Alumin tiêu chuẩn - ARMI ALU-10; SSA:55.6 m ² /g / GR/ Solid 100g/chai Hãng sản xuất Alcan - Xuất xứ Canada hoặc tương đương	chai	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	COA	
7	Alumin tiêu chuẩn - ARMI ALU-12; SSA:82.9 m ² /g/ GR/ Solid 100g/chai Alcan - Canada hoặc tương đương	chai	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	COA	



STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
8	Alumin tiêu chuẩn Alcan ALU-04 100g/chai Hãng sản xuất Alcan - Xuất xứ Canada hoặc tương đương	chai	14	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 7 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 7 chai	COA	
9	Aluminium chloride/ AlCl ₃ .6H ₂ O/ AR/ Solid AR; 500g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	30	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 10 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 10 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 10 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
10	Ammonium bromide/ NH ₄ Br/ GR/ Solid GR; 1000g/chai Cat No. 1011251000 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
11	Ammonium chloride/ NH ₄ Cl/ AR/ Solid AR; 500g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	12	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 6 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 6 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
12	Ammonium dihydrogenphosphate/NH ₄ H ₂ P O ₄ /PR/Solid/99,995% 99,995%; 25g/chai Stock No. 10633.14 Hãng sản xuất Alfa Aesar - Xuất xứ Anh/ Mỹ/ Đức hoặc tương đương	chai	3	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	COA	
13	Ammonium ferrous sulfate/ (NH ₄) ₂ Fe(SO ₄) ₂ .6H ₂ O/ AR/ Solid AR; 500g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	7	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 4 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 3 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
14	Amoniac/ Stronger Ammonia Water/ NH ₄ OH/ AR/ Liquid AR; 500ml/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	44	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 15 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 15 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 14 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	



STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
15	Anhydrous Sodium tetraborate/ Na ₂ B ₄ O ₇ / 99,998% 99,998%; 100g/chai Cat No. 010875.36 Hãng sản xuất Thermo Fisher Scientific - Xuất xứ Đức/ Canada/ Ấn độ/ Úc/Hà Lan/ Phần Lan/ Áo/ Anh hoặc tương đương	chai	18	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 6 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 6 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 6 chai	COA	
16	Atoleine/ Paraffin Liquid/ AR/ Liquid AR; 500ml/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	3	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
17	Barium Chloride Dihydrate/ BaCl ₂ .2H ₂ O/ AR/ Solid AR; 500g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	300	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 75 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 75 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 75 chai Đợt 4: 20/10/2026-27/10/2026: 75 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
18	Benzoic acid/ C ₇ H ₆ O ₂ / GR/ Solid 70 viên/chai 60g P/N: 502892 Hãng sản xuất Leco - Xuất xứ Mỹ/Ấn Độ/Anh hoặc tương đương	chai	20	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 7 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 7 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 8 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
19	Bộ chất chuẩn đo độ đục (0.02, 10, 100 NTU) (39953) Cat No. 39953 Hãng sản xuất WATTS (HF Scientific) - Xuất xứ Mỹ/ Anh hoặc tương đương	Bộ	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 Bộ Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 Bộ	COA	
20	Bột Alumina - Alumina 99.999%/ Al ₂ O ₃ / GR/ Solid 99,999%; 50g/chai Item No. 1339GJ Hãng sản xuất SkySpring Nanomaterials, Inc - Xuất xứ USA hoặc tương đương	chai	34	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 11 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 11 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 12 chai	COA	
21	Bột Chromium (II) oxide - 99.97%/Cr ₂ O ₃ /Soild 99,97%; 25g/chai Code:10688.06 Hãng sản xuất Alfa Aesar - Xuất xứ Anh/ Mỹ/ Đức hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	

STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
22	Bột Gallium (III) oxide - 99.99%/ Ga ₂ O ₃ /Solid 99,99%; 25g/chai Code: 32102.14 Hãng sản xuất Alfa Aesar - Xuất xứ Anh/ Mỹ/ Đức hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
23	Bột Niken (II) oxide - 99.998%/NiO/Soild 99,998%; 5g/chai Stock No. 10819.06 Hãng sản xuất Alfa Aesar - Xuất xứ Anh/ Mỹ/ Đức hoặc tương đương	chai	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	COA	
24	Bột sắt (Fe ₂ O ₃) 99,9% 99,9%; 50g/chai Code: 47247.18 Hãng sản xuất Alfa Aesar - Xuất xứ Anh/ Mỹ/ Đức hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
25	Bột Zinc Oxide 99.9%/ ZnO/Solid 99.99%; 25g/chai Code: 44264.14 Hãng sản xuất Alfa Aesar - Xuất xứ Anh/ Mỹ/ Đức hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
26	Bromothymol blue/ C ₂₇ H ₂₈ Br ₂ O ₅ S/ GR/ Solid GR; 5g/chai Cat No. 1030260005 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	5	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 3 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 2 chai	COA	
27	Cacbon tiêu chuẩn 65g/chai P/N: 502-694 Hãng sản xuất Leco - Xuất xứ Mỹ/Ấn Độ/Anh hoặc tương đương	chai	5	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 3 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 2 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
28	Cacbon tiêu chuẩn 50g/chai P/N: 502-905 Hãng sản xuất Leco - Xuất xứ Mỹ/Ấn Độ/Anh hoặc tương đương	chai	5	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 3 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 2 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	

STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
29	Calcium carbonate/ CaCO ₃ / GR/ Pure/ Solid GR; 50g/chai Cat No. 1020590050 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	4	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 2 chai	COA	
30	Calcium carbonate/CaCO ₃ /GR/Solid/99, 95 % 99,95%; 100g/chai Stock No. 10996.22 Hãng sản xuất Alfa Aesar - Xuất xứ Anh/ Mỹ/ Đức hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
31	Calconcarboxylic acid/ C ₂₁ H ₁₄ N ₂ O ₇ S.2H ₂ O/ GR/ Solid GR; 5g/chai Code: 1045950005 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	COA	
32	Chất chuẩn máy đo độ dẫn S230-USP/EP 1413 uS/cm/ GR/ Liquid GR; 250 ml/ chai Mã: 51350092 Hãng sản xuất Mettler Toledo - Xuất xứ Thụy Sĩ hoặc tương đương	chai	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
33	Chất chuẩn máy đo độ dẫn S230-USP/EP 84uS/cm/GR/Liquid GR; 250ml/chai Material No. 51302153 Hãng sản xuất Mettler Toledo - Xuất xứ Thụy Sĩ hoặc tương đương	chai	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	COA	
34	Chất hút ẩm Magnesium Perchlorate 454g/chai P/N: 501-171-HAZ Hãng sản xuất Leco - Xuất xứ Mỹ/Ấn Độ/Anh hoặc tương đương	chai	27	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 9 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 9 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 9 chai	COA	

STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
35	Chất xúc tác cho máy phân tích cacbon hữu cơ (Platinum catalyst st support: 5/64" alumina ball) P/N 638-60246/ GR/ Solid P/N: 638-60246 Hãng sản xuất Shimadzu - Xuất xứ Nhật Bản hoặc tương đương	Hộp	7	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 4 Hộp Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 3 Hộp	COA	
36	Chorome black T/C20H12O7N3SNa/GR/Solid GR, 25 g/chai Hãng sản xuất Merck/Sigma - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phần Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
37	Chuẩn Clo dư HI 96701-11 (2 ống/bộ)/ GR/ Liquid 2 ống/hộp HI96701-11 Hãng sản xuất Hanna - Xuất xứ Rumani hoặc tương đương	Hộp	3	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 Hộp Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 Hộp	COA	
38	Copper (I) Chloride/ CuCl/ AR/ Solid AR; 500g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	14	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 7 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 7 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
39	Dây chì nối điện cực 5 sợi/bịch P/N: 502460 Hãng sản xuất Leco - Xuất xứ Mỹ/Ấn Độ/Anh hoặc tương đương	Bịch	25	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 8 Bịch Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 8 Bịch Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 8 Bịch	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
40	Diisopropylamine/ C6H15N/ AR/ Liquid AR; 500ml/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	8	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 4 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 4 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
41	Dimethyl yellow/ C14H15N3/ GR/ Solid GR; 25g/chai Code: 73225 Hãng sản xuất Merck/Sigma - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phần Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	

STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
42	Dung dịch bảo quản điện cực KCl 3mol/l / GR/ Liquid GR; 250ml/chai Cat No. 1048170250 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	4	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 2 chai	COA	
43	Dung dịch châm điện cực mỗi nối đôi HI7082 3.5M KCL, 4x30ml GR; 3,5M KCl, 30ml/chai HI 7082 Hãng sản xuất Hanna - Xuất xứ Rumani hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
44	Dung dịch chuẩn độ dẫn HI 7031 1413uS/cm / G.R (EU)/ Liquid 500ml/chai HI7031 Hãng sản xuất Hanna - Xuất xứ Rumani hoặc tương đương	chai	4	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 2 chai	COA	
45	Dung dịch chuẩn độ đo độ dẫn chuẩn HI7033L/84mS/GR/Liquid 84 μ S/cm 500ml/chai HI7033L Hãng sản xuất Hanna - Xuất xứ Rumani hoặc tương đương	chai	4	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 2 chai	COA	
46	Dung dịch đo độ đục 0,1NTU/ Liquid Product #: 2659749/ 500 mL/chai 0,1 NTU; 500ml/chai Product #: 2659749 Hãng sản xuất Hach - Xuất xứ Mỹ hoặc tương đương	chai	16	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 8 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 8 chai	COA	
47	Dung dịch đo độ đục 1,0NTU/ Liquid Product #: 2659853/ 1000 mL/chai 1,0 NTU; 1000ml/chai Product #: 2659853 Hãng sản xuất Hach - Xuất xứ Mỹ hoặc tương đương	chai	8	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 4 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 4 chai	COA	

STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
48	Dung dịch đo độ đục 10NTU/ Liquid Product #: 2659949/ 500 mL/chai 10 NTU; 500ml/chai Product #: 2659949 Hãng sản xuất Hach - Xuất xứ Mỹ hoặc tương đương	chai	16	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 5 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 5 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 6 chai	COA	
49	Dung dịch đo độ đục 20NTU/ Liquid Product #: 2660149/ 500 mL/chai 20 NTU; 500ml/chai Product #: 2660149 Hãng sản xuất Hach - Xuất xứ Mỹ hoặc tương đương	chai	16	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 5 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 5 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 6 chai	COA	
50	Dung dịch đo độ đục 400NTU/ Liquid Product #:7121649/ 500 mL/chai 400 NTU; 500ml/chai Product #: 7121649 Hãng sản xuất Hach - Xuất xứ Mỹ hoặc tương đương	chai	8	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 4 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 4 chai	COA	
51	Dung dịch đo độ đục 40NTU/ Liquid Product #: 2746353/ 1000 mL/chai 40 NTU; 1000ml/chai Product #: 2746353 Hãng sản xuất Hach - Xuất xứ Mỹ hoặc tương đương	chai	16	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 5 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 5 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 6 chai	COA	
52	Dung dịch đục chuẩn 0 HI93703-0/ GR/ Liquid GR; 2 lọ/hộp Hãng sản xuất Hanna - Xuất xứ Rumani hoặc tương đương HI93703-0	Hộp	3	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 Hộp Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 Hộp	COA	
53	Dung dịch đục chuẩn 10 HI93703-10/ GR/ Liquid GR; 2 lọ/hộp Hãng sản xuất Hanna - Xuất xứ Rumani hoặc tương đương HI93703-10	Hộp	3	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 Hộp Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 Hộp	COA	



STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
54	Dung dịch hiệu chuẩn Clo HI96711-11/ GR/ Liquid GR; 2 lọ/hộp HI96711-11 Hãng sản xuất Hanna - Xuất xứ Rumani hoặc tương đương	Hộp	3	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 Hộp Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 Hộp	COA	
55	Dung dịch hiệu chuẩn độ đục 500 FTU GR; 30ml/Chai HI93703-05 Hãng sản xuất Hanna - Xuất xứ Rumani/ Ý hoặc tương đương	Hộp	3	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 Hộp Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 Hộp	COA	
56	Dung dịch hiệu chuẩn độ đục HI98703-11/GR/Liquid HI98703-11(hiệu chỉnh độ đục) Dùng để hiệu chuẩn cho Máy đo độ đục - 4 điểm chuẩn: <0.10, 15, 100 và 750 NTU Hãng sản xuất Hanna - Xuất xứ Rumani/ Ý hoặc tương đương	Bộ	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 Bộ	COA	
57	Dung dịch hiệu chuẩn HI97701-11(hiệu chỉnh máy đo Clo), 2 chai/hộp HI97701-11(hiệu chỉnh máy đo Clo), 2 chai/hộp (0 và 1.00mg/L) Hãng sản xuất Hanna - Xuất xứ Rumani/ Ý hoặc tương đương	Hộp	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 Hộp	COA	
58	Dung dịch pH tiêu chuẩn HI 7004 pH=4.01/ GR/ Liquid GR; 500ml/chai pH=4,01 HI7004 Hãng sản xuất Hanna - Xuất xứ Rumani hoặc tương đương	chai	16	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 5 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 5 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 6 chai	COA	
59	Dung dịch pH tiêu chuẩn HI 7006 pH=6.86/ GR/ Liquid GR; 500ml/chai pH= 6,86 HI7006 Hãng sản xuất Hanna - Xuất xứ Rumani hoặc tương đương	chai	17	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 6 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 6 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 5 chai	COA	



STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
60	Dung dịch pH tiêu chuẩn HI 7009 pH=9.18/ GR/ Liquid GR; 500ml/chai pH= 9,18 HI7009 Hãng sản xuất Hanna - Xuất xứ Rumani hoặc tương đương	chai	17	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 6 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 6 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 5 chai	COA	
61	Dung dịch rửa điện cực HI7061L/GR/ Liquid GR; 500ml/chai HI 7061L Hãng sản xuất Hanna - Xuất xứ Rumani hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
62	Dung dịch thuốc thử Nessler/ K ₂ HgI ₄ / GR/ Liquid GR; 500ml/chai Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	17	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 6 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 6 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 5 chai	COA	
63	Dung dịch tiêu chuẩn - Hydrochloric acid solution, c (HCL)= 1mol/l (1 N/ liquid/GR 2,5 lít/chai Cat No. 109057 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	Chai	35	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 12 Chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 12 Chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 11 Chai	COA	
64	Dung dịch tiêu chuẩn - Iron standard solution / Fe(NO ₃) ₃ in HNO ₃ 0,5 mol/l/ 1000mg/l Fe/ GR/ Liquid GR; 500ml/chai Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	3	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	COA	
65	Dung dịch tiêu chuẩn - NH ₃ tiêu chuẩn 1000mg/lít NH ₄ (1198120500) GR; 500 ml/chai 1000mg/lít NH ₄ Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	



STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
66	Dung dịch tiêu chuẩn - Ống chuẩn Na ₂ S ₂ O ₃ .5H ₂ O/ 0.1N/ 25ml/ống/ GR/ Liquid GR; 0,1 N; 25ml/Ống Hãng sản xuất Cemaco - Xuất xứ Việt Nam hoặc tương đương	Ống	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 Ống Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 Ống	COA	
67	Dung dịch tiêu chuẩn - Phosphate standard solution/ KH ₂ PO ₄ in H ₂ O/ 1000mg/l PO ₄ / G.R/ Liquid 500 ml/Chai Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
68	Dung dịch tiêu chuẩn - Silicon standard solution/ (NH ₄) ₂ SiF ₆ in H ₂ O / 1000mg/l Si/ G.R/ Liquid GR; 500 ml/chai Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	COA	
69	Dung dịch tiêu chuẩn - Silicon standard solution/ SiO ₂ in NaOH 0.5mol/l/ 1000mg/l Si/ G.R/ Liquid GR; 500 ml/chai Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	3	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	COA	
70	Dung dịch tiêu chuẩn - Sodium chloride solution for 1000 ml, c(NaCl) = 0.1 mol/l (0.1 N), Titrisol/ liquid/GR GR; 1 ống pha 1000ml Code:1099450001 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	Ống	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 Ống	COA	
71	Dung dịch tiêu chuẩn (2ppm) (10451A) Đóng gói 118ml/chai Code: 10451A Hãng sản xuất HF scientific - Xuất xứ Anh/ Mỹ hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	

STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
72	Ethyl alcohol/ CH ₃ CH ₂ OH/ AR/ Liquid AR; 500ml/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	76	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 25 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 25 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 26 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
73	Ethylendiamin Tetra Acetic Acid Disodium Salt EDTA - 2Na/ C ₁₀ H ₁₄ N ₂ Na ₂ O ₈ / AR/ Solid AR; 250g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	140	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 35 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 35 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 35 chai Đợt 4: 20/10/2026-27/10/2026: 35 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
74	Ethylendiamin Tetra Acetic Acid Disodium Salt/ C ₁₀ H ₁₆ N ₂ Na ₂ O ₈ / GR/ Solid GR; 250g/chai Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	COA	
75	Giấy đo pH 1-14 Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	72	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 24 Cái Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 24 Cái Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 24 Cái	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
76	Giấy lau kính không bụi Kimwipes S200, 120x215mm, 200 tờ/hộp Xuất xứ Nhật Bản hoặc tương đương	Hộp	96	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 24 Hộp Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 24 Hộp Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 24 Hộp Đợt 4: 20/10/2026-27/10/2026: 24 Hộp	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
77	Giấy lọc định lượng không tro/Quantitative filter paper/Ash- Free Filter/100 tờ/15cm/Paper 15 cm; trung tốc; 100 tờ/hộp Hãng sản xuất New star - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	Hộp	405	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 100 Hộp Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 105 Hộp Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 100 Hộp Đợt 4: 20/10/2026-27/10/2026: 100 Hộp	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
78	Giấy lọc định lượng không tro/Quantitative filter paper/Ash-free filter/100 tờ/12.5cm/Paper 12,5 cm, middle speed, 100 tờ/hộp Hãng sản xuất New Star - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	Hộp	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 Hộp	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	

STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
79	Giấy lọc định tính không tro/Qualitative filter paper/Ash-free filter/100 tờ/12.5cm/Paper 12,5 cm, middle speed, 100 tờ/hộp New Star/China hoặc tương đương	Hộp	58	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 19 Hộp Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 19 Hộp Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 20 Hộp	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
80	Giấy lọc định tính/Qualitative filter paper/600x600mm/Paper 600 mm x 600 mm Giấy lọc công nghiệp 工业滤纸 0,62x0,22x0,62=0,085 M3 Hãng sản xuất New star - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	Tờ	2.000	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1000 Tờ Đợt 2: 20/08/2026-27/8/2026: 1000 Tờ	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
81	Giấy lọc sợi thủy tinh GF/CTM; Ø 47mm; 100 tờ/hộp Cat No. 1822-047 Hãng sản xuất Whatman - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	Hộp	137	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 34 Hộp Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 34 Hộp Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 34 Hộp Đợt 4: 20/10/2026-27/10/2026: 35 Hộp	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
82	Hexaammonium Heptamolybdate Tetrahydrate/ [NH4]6Mo7O24*4H2O/ AR/ Solid AR; 500g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	10	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 5 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 5 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
83	Hồ tinh bột (Starch)/ (C6H10O5)n/ GR/ Solid GR; 250g/chai Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
84	Hydrochloric acid/ HCl/ GR/ Liquid/ 37% GR; 1000ml/chai Cat No. 1003171000 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	175	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 44 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 44 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 44 chai Đợt 4: 20/10/2026-27/10/2026: 43 chai	COA	
85	Hydrochloric acid/ HCl/AR/ Liquid AR; 500ml/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	320	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 80 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 80 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 80 chai Đợt 4: 20/10/2026-27/10/2026: 80 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	

STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
86	Hydroxy Naphthol Blue/ C ₂₀ H ₁₁ N ₂ Na ₃ O ₁₁ S ₃ / GR/ Solid GR; 25g/chai Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
87	Hydroxylammonium chloride NH ₂ OH.HCl/G.R/ Solid GR; 250g/chai Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
88	Hydroxylammonium chloride/ NH ₂ OH.HCl/ AR/ Solid AR; 100g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	12	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 6 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 6 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
89	Đồng lá đỏ Độ dày 0,2mm Chiều rộng: 20mm Độ tinh khiết >99,5 % Xuất xứ Việt Nam hoặc tương đương	kg	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 kg	COA	
90	Lưu huỳnh tiêu chuẩn 50g/chai P/N: 502-835 Hãng sản xuất Leco - Xuất xứ Mỹ/Ấn Độ/Anh hoặc tương đương	chai	3	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	COA	
91	Manganese (IV) oxide MnO ₂ 99.9%/ G.R/ Solid 250g/chai GR; Độ tinh khiết 99.9% Code: 42250.30 Hãng sản xuất Alfa Aesar - Xuất xứ Anh/ Mỹ/ Đức hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
92	Mẫu chuẩn trôi Ausmon 40mm P/N: 943050028101 Hãng sản xuất Malvern Panalytical - Xuất xứ Mỹ/ Anh hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	

STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
93	Methyl red/ C15H15N3O2/ GR/ Solid GR; 25g/chai Cat No. 1060760025 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
94	Methylene blue/ C16H18N3SCl/ GR/ Solid GR; 25g/chai Cat No. 1159430025 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
95	Oxalic acid/ C2H2O4.2H2O/ AR/ Solid AR; 500g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	16	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 5 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 5 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 6 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
96	Perchloric acid / HClO4/ GR/ Liquid/ Pure 70-72%/ GR; 1000ml/chai Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	COA	
97	Phenolphthalein/ C20H14O4/ GR/ Solid GR; 25g/chai Cat No. 1072330025 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	9	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 5 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 4 chai	COA	
98	pH-indicator paper pH 1-14 Universal indicator roll (4.8m) (pH 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 14)/ GR/ Paper Cat No. 1109620003 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	Hộp	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 Hộp Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 Hộp	COA	



STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
99	Potassium carbonate/ K ₂ CO ₃ /PR/Solid/99,997% 99,997%; 5g/chai Stock No. 10838.06 Hãng sản xuất Alfa Aesar - Xuất xứ Anh/ Mỹ/ Đức hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
100	Potassium chromate/ K ₂ CrO ₄ / AR/ Solid AR; 500g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
101	Potassium hydrogen phthalate/ C ₈ H ₅ KO ₄ / GR/ Solid GR; 80g/chai Cat No. 1024000080 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	COA	
102	Potassium Hydroxide/ KOH/ GR/ Solid GR; 1000g/chai Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	9	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 5 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 4 chai	COA	
103	Potassium iodide/ KI/ GR/ Solid GR; 250g/chai Cat No. 1072330025 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
104	Pyrogalllic acid/ C ₆ H ₃ (OH) ₃ / AR/ Solid AR; 100g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	12	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 6 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 6 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
105	Saccharose/ C ₁₂ H ₂₂ O ₁₁ / AR/ Solid AR; 500g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	28	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 9 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 9 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 10 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	

STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
106	Silicon Dioxide/ SiO ₂ / GR/ Solid GR; 25g/chai Độ tinh khiết 99.9% Code: L16986.14 Hãng sản xuất Alfa Aesar - Xuất xứ Anh/ Mỹ/ Đức hoặc tương đương	chai	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	COA	
107	Silver Nitrate/ AgNO ₃ / GR/ Solid GR; 100g/chai Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
108	Sodium acetate/ CH ₃ COONa/ AR/ Solid AR; 500g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	190	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 48 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 48 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 48 chai Đợt 4: 20/10/2026-27/10/2026: 46 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
109	Sodium bicarbonate/NaHCO ₃ /GR/Solid GR; 500g/chai Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	COA	
110	Sodium bisulfite/ NaHSO ₃ / AR/ Solid AR; 500g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	12	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 6 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 6 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
111	Sodium carbonate/ Na ₂ CO ₃ / GR/ Solid GR; 500g/chai Cat No. 1024050080 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	6	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 3 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 3 chai	COA	
112	Sodium carbonate/ Na ₂ CO ₃ / GR/ Solid/ pure 99.999% 99,999%; 50g/chai Cat No. 1063950050 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	4	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 2 chai	COA	



STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
113	Sodium Chloride/ NaCl/ AR/ Solid AR; 500g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	8	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 4 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 4 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
114	Sodium Chloride/ NaCl/ GR/ Solid GR; 80g/chai Cat No. 1024060080 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 chai	COA	
115	Sodium Hydroxide/ NaOH/ AR/ Solid AR; 500g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	17	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 6 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 6 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 5 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
116	Sodium oxalate/ Na ₂ C ₂ O ₄ / GR/ Solid GR; 60g/chai Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
117	Sodium salicylate/ C ₇ H ₅ NaO ₃ / AR/ Solid AR; 250g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	420	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 105 chai Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 105 chai Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 105 chai Đợt 4: 20/10/2026-27/10/2026: 105 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
118	Sợi đốt cotton 375 sợi/bịch P/N: 502715 Hãng sản xuất Leco - Xuất xứ Mỹ/Ấn Độ/Anh hoặc tương đương	Bịch	25	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 8 Bịch Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 8 Bịch Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 8 Bịch	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
119	Sulfuric acid/ H ₂ SO ₄ / AR/ Liquid AR; 500ml/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	12	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 6 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 6 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
120	Thuốc thử clo dư HI93701-01 (100 test)/ GR/ Liquid GR; 100gói/hộp HI93701-01 Hãng sản xuất Hanna - Xuất xứ Rumani hoặc tương đương	Hộp	90	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 23 Hộp Đợt 2: 20/04/2026-27/4/2026: 23 Hộp Đợt 3: 20/08/2026-27/8/2026: 23 Hộp Đợt 4: 20/10/2026-27/10/2026: 21 Hộp	COA	



STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
121	Thuốc thử Clo tổng HI 93711-03 (300 test/hộp)/ GR/ Solid 300gói/hộp HI93711-03 Hãng sản xuất Hanna - Xuất xứ Rumani hoặc tương đương	hộp	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 hộp	COA	
122	Titanium Dioxide/ TiO2/ GR/ Solid GR; 25g/chai Độ tinh khiết 99.9% Code: 44375.14 Hãng sản xuất Alfa Aesar - Xuất xứ Anh/ Mỹ/ Đức hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
123	Titriplex III solution for 1000ml, c(Na2-EDTA.2H2O)= 0,1mol/l, AMP GR; 0,1M; ống pha 1000ml Cat No. 1099920001 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	Ống	2	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 Ống Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 1 Ống	COA	
124	Hóa chất TEA/ C6H15NO3/ AR/ Liquid AR; 500ml/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	7	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 4 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 3 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
125	Hóa chất TEA/ C6H15NO3/ GR/ Liquid GR; 1000ml/chai Cat No. 1083791000 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	9	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 5 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 4 chai	COA	
126	Vanadium pentoxide/ V2O5/ GR/ Solid GR; 25g/chai Độ tinh khiết 99.9% Code: 44424.14 Hãng sản xuất Alfa Aesar - Xuất xứ Anh/ Mỹ/ Đức hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	
127	Vaseline/ AR/ Solid AR;10g/tuýp Việt Nam sản xuất hoặc tương đương	Tuýp	4	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 2 Tuýp Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 2 Tuýp	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	

STT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
128	Xylenol orange/ C ₃₁ H ₂₈ N ₂ Na ₄ O ₁₃ / GR/ Solid GR; 5g/chai Cat No. 1086770005 Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	14	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 7 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 7 chai	COA	
129	Zinc acetate/ Zn(CH ₃ COO) ₂ .2H ₂ O/ AR/ Solid AR; 500g/chai Hãng sản xuất Xilong - Xuất xứ Trung Quốc hoặc tương đương	chai	14	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 7 chai Đợt 2: 05/06/2026-10/6/2026: 7 chai	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa	
130	Zinc powder/ Zn/ GR/ Solid/ > 99% GR; 250g/chai Hãng sản xuất Merck - Xuất xứ Đức/Canada/Ấn độ/Úc/Hà Lan/Phân Lan/Áo/Anh hoặc tương đương	chai	1	Đợt 1: 05/01/2026-10/1/2026: 1 chai	COA	

***Ghi chú:**

- 01 USB hoặc đĩa CD có chứa nội dung Biểu của biểu mẫu số 02: "Biểu giá chào hàng" bằng file mềm Excel. Nhà cung cấp ghi rõ: “Kèm theo USB hoặc CD (chứa nội dung file mềm biểu mẫu số 2)”.

- Đối với các Mục không tham gia chào giá thì số thứ tự Danh mục vật tư trong Biểu giá chào hàng giữ nguyên (không được xóa), các thông tin còn lại như: Số lượng; Đơn giá; Thành tiền ghi là “0” hoặc ghi là “Không tham gia”.

Phụ lục 02

Tên nhà cung cấp:.....

Địa chỉ:.....

Số ĐT liên lạc/Email/fax

BIỂU BÁO GIÁ HÀNG HÓA

.....,ngàytháng.....năm

Căn cứ đề nghị của LDA tại thư ngõ số/LDA-VT ngày .../.../năm 2024.
Công ty chúng tôi gửi đến quý Công ty báo giá hàng hóa như sau:

STT	Tên vật tư/hàng hóa Ký mã hiệu, nhãn mác, quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất(Hãng sản xuất)	Xuất xứ	Thời gian, tiến độ cung cấp	Các tài liệu, hồ sơ cam kết kèm theo (thời gian bảo hành)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Giá trị chào (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1									
2									
	Tổng cộng giá chào trước thuế:								
	Thuế GTGT:								
	Tổng cộng giá chào sau thuế:								
	<i>(Bằng chữ:)</i>								

Các điều kiện thương mại kèm theo:

- Hiệu lực của Báo giá....ngày, kể từ ngày ký;
- Thời gian thanh toán:.....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]